

Số: 15/2022/QĐST-HNGĐ

M, ngày 14 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN T LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 17/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 giữa:

- Chị Trần Thị T, sinh năm 1991; địa chỉ: Trạm y tế xã N, xã N, huyện M, tỉnh Hà Giang. Nguyên đơn.

- Anh Vàng Văn P, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện M, tỉnh Hà Giang. Bị đơn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 59, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trần Thị T và anh Vàng Văn P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Vàng Văn P đồng ý thuận tình ly hôn với nhau.

Về con chung: Hai anh chị nhất trí thỏa thuận với nhau anh Vàng Văn P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung là cháu Vàng Trần Anh K, sinh ngày 16/11/2013 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị T cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Vàng Văn P là 2.000.000 đồng/tháng, bắt đầu từ ngày 01/8/2022. Phương thức cấp dưỡng một tháng một lần.

Việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định. Chị

Trần Thị T được phép đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết. Đồ dùng tư trang cá nhân của ai người đó sử dụng.

Về công nợ chung: Anh chị không có, không đề nghị giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng, ngoài ra chị T còn phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 150.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006483 ngày 20/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Hà Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
(UBND xã N, huyện M, tỉnh Hà Giang)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Củng Trần Lương